TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BL** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HS-ST
Ngày 23-10-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BL, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội ĐỒNG xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lục Thị Minh

Ông Ma Văn Hán

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn San – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Bế Việt Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng, tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2023/TLST-HS ngày 03/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐỒNGXXST-HS ngày 09/10/2023 đối với bị cáo:

Hoàng Văn C (tên gọi khác: Không), sinh ngày 19/12/2001 tại huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm BN, xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn U, sinh năm 1967 và con bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1969; vợ: Nông Thị T, sinh năm 1998, con: 01 con, sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành Chính; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+ Ông Hoàng Văn U, sinh năm 1967; Nơi cư trú: xóm BN, xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1969; Nơi cư trú: xóm BN, xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nông Văn Ch, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu x, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Ma Văn T, sinh năm 1997; Địa chỉ: xóm TN, xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người phiên dịch T Tày: Ông Ma Văn ĐỒNG, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ 00 phút ngày 13/7/2023, Công an xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng tiếp nhận tin báo của ông Hoàng Văn U về việc con trai Hoàng Văn C đã trộm tài sản của gia đình đem đi bán. Quá trình điều tra, xác định được như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 20/6/2023 C đang ở nhà tại xóm BN, xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng thì nảy sinh ý định trộm xe máy của gia đình đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. C đi đến gần tủ tường ở trong nhà và lấy giấy chứng nhận đăng ký xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu trắng đen mang BKS 11L1 - XXX trên nóc tủ và đi xuống dưới gầm sàn, thấy chìa khoá xe vẫn cắm ở ổ khoá điện, C nổ máy điều khiển xe đến thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Đến hiệu cầm đồ DA C nói với D là chủ hiệu cầm đồ "Anh D ơi em cầm xe", D nói "Có giấy tờ xe không?", C nói "Có" rồi đưa Giấy chứng nhận đăng ký xe máy cho D xem, sau khi D kiểm tra giấy chứng nhận, D hỏi "Cầm bao nhiêu", C nói "cầm năm triệu", D ĐỒNG ý, lãi suất 5.000 ĐỒNG/triệu/ngày, thời hạn cầm đồ là 01 tháng. C nhận tiền và tiêu xài cá nhân hết. Khoảng 10 ngày sau, C không có tiền để trả hiệu cầm đồ đã nảy sinh ý định bán chiếc xe máy, C đến cửa hàng mua bán trao đổi xe máy TK gặp Nông Văn Ch là chủ cửa hàng, C hỏi Ch có mua xe máy không, do xe đăng ký tên bố của C, C nói, bố của C không có điện thoại, Ch không ĐỒNG ý mua, C bỏ đi. Khi C đi đến đầu cầu Bản Đe thuộc xóm Lạng Cá, thị trấn PM thì gặp một người đàn ông có tên thường gọi là "HL", lúc này, C nảy sinh ý định nhờ "HL" giả làm bố của C, khi có người gọi điện thoại đến hỏi thì "HL" sẽ nói rằng hiện nay đang bị bệnh, cần tiền để điều trị nên muốn bán xe máy, người đàn ông "HL" ĐỒNG ý. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày C quay lại cửa hàng TK, C nói với Ch là C đã để điện thoại ở nhà, Ch có thể gọi điện thoại hỏi bố của C. C và Ch cùng đi đến hiệu cầm đồ DA, sau khi kiểm tra xe, Ch nói, để Ch gọi điện thoại hỏi bố của C đã, C đọc số điện thoại của C mà "HL" đang giữ, Ch hỏi "có phải số bố của C không", "HL" trả lời "phải", Ch hỏi "thế có ĐỒNG ý cho C bán xe không", "HL" trả lời "Bây giờ cầm không có tiền chuộc thì đành cho nó bán thôi". Sau đó, Ch ĐỒNG ý mua xe máy với C, C nói bán với giá 8.000.000 ĐỒNG nhưng Ch bảo được 7.000.000 ĐỒNG thôi, C cũng ĐỒNG ý bán. Ch trả cho D số tiền là 5.300.000 ĐỒNG bao gồm tiền cầm cố xe và tiền

lãi, Ch đưa cho C 2.100.000 ĐỒNG. C đã sử dụng hết số tiền, khi ông U hỏi về chiếc xe máy, C nói đã đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài hết rồi, vì vậy ông U đã trình báo sự việc lên Công an xã QL, huyện BL.

Ngoài ra, C còn thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể.

Khoảng 11 giờ 00 phút một ngày giữa tháng 6 năm 2023, C đang ở nhà thì thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh của chị Ma Thị M là chị dâu của C đang để ở trên nóc tủ lạnh, C đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại để bán lấy tiền tiêu xài, C đã tiến lại gần và dùng tay phải cầm lấy điện thoại và đi chơi bi-a tại Khu xx, thị trấn PM, tại đây, C gặp Hoàng Văn L, C đã nhờ L đem điện thoại đi cầm cố, L ĐỒNG ý. L trao đổi với chủ hiệu cầm đồ là Lương Ích L, L ĐỒNG ý nhận cầm cố chiếc điện thoại với giá 1.200.000 ĐỒNG, lãi suất là 5.000 ĐỒNG/ngày, thời hạn cầm cố là 07 ngày, L đưa hết số tiền cho C, C đã tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 07 giờ 00 phút một ngày sau khi C trộm chiếc điện thoại của chị Ma Thị M khoảng 10 ngày, C đang ở nhà thì thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh của mẹ là bà Nguyễn Thị V đang để ở trên nóc tủ lạnh trong nhà, C đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc điện thoại để bán lấy tiền tiêu xài nên C đã tiến lại gần và dùng tay phải cầm lấy điện thoại rồi ra khỏi nhà. C đem điện thoại đến quán bi-a tại Khu XX, thị trấn PM, huyện BL, tại đây, C gặp Ma Văn T, C hỏi vay T số tiền là 1.500.000 ĐỒNG rồi C sẽ để lại chiếc điện thoại cho T để đảm bảo, T ĐỒNG ý. Số tiền T đã đưa, C đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

C còn lấy 09 bao thóc, 02 con cá, 10 kg gạo, 01 con gà của gia đình đem đi bán.

Bản Kết luận định giá tài sản số 80/KL-HĐĐGTS ngày 17/7/2023 của Hội ĐỒNG định giá tài sản huyện BL, tỉnh Cao Bằng kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda loại Wave RSX màu trắng đen mang biển kiểm soát: 11L1-XXX có trị giá 7.000.000 ĐỒNG; Kết luận định giá tài sản số 107/KL-HĐĐGTS ngày 09/9/2023 của Hội ĐỒNG định giá tài sản huyện BL, tỉnh Cao Bằng kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME C30S 4/64G màu xanh có trị giá là 2.000.000 ĐỒNG.

Chiếc điện thoại di động của Hoàng Văn C, C đã bán chiếc điện thoại này cho một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BL không đủ điều kiện để xác minh, truy tìm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG của chị Ma Thị M, chị M không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì và không liên lạc được, sau khi nhờ L đem chiếc điện thoại di động đi cầm cố với Lương Ích L, quá thời hạn cấm cố, L đã bán lại chiếc điện thoại cho một người đàn ông không rõ họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được.

09 bao thóc, 02 con cá, 10 kg gạo, 01 con gà của gia đình, C đã đem đi bán, trước đó, C đã hỏi xin phép và được bà Nguyễn Thị V ĐỒNG ý nên cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý C về hành vi này. Người đàn ông tên thường gọi là "HL", Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BL đã tiến hành xác minh, qua xác minh, không có người nào tên thường gọi là "HL" nên không có cơ sở để xử lý đối với người đàn ông có tên "HL" này. Nguyễn Văn D khi nhận cầm cố chiếc xe máy với C, D không hỏi và C cũng không nói rõ nguyênồn gốc của chiếc xe máy, hành vi nhận cầm cố tài sản của D không có sự hứa hẹn, bàn bạc, thống nhất từ trước, do đó, hành vi của Nguyễn Văn D không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng hành vi nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác khi không có giấy ủy quyền hợp lệ đã vi phạm quy định tại Điểm 1, Khoản 3, Điều 12 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ nên Nguyễn Văn D đã bị Công an huyện BL xử phạt vi phạm hành Chính; Nông Văn Ch mua chiếc xe máy với C, trước khi mua xe Ch đã gọi điện hỏi chủ sở hữu tài sản (ông Hoàng Văn U), tuy nhiên, do C nhờ người khác giả làm ông Hoàng Văn U và ĐỒNG ý bán xe máy nên Ch đã ĐỒNG ý mua xe, Ch và C không có sự hứa hẹn, bàn bạc, thống nhất từ trước, do đó, hành vi mua xe của Ch không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Lương Ích L nhận cầm cố tài sản, không biết nguyênồn gốc tài sản do Hoàng Văn C phạm tội mà có, hành vi không cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BL không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với L. Ma Văn T cho C vay tiền và giữ lại điện thoại di động, T không biết đây là tài sản do C trộm cắp, T không hứa hẹn, bàn bạc, thống nhất với C từ trước do đó hành vi cho vay tiền của T không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Vật chứng thu giữ đã trả lại cho bị hại Hoàng Văn U 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, BKS đăng ký 11L1-XXX và 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RSX màu trắng đen mang BKS 11L1-XXX; đã trả cho bà Nguyễn Thị V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REALME REALME C30S 4/64G màu xanh.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Hoàng Văn U và Nguyễn Thị V đã nhận lại được các tài sản, không yêu cầu bồi thường; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Văn Ch yêu cầu bồi thường số tiền 7.400.000 ĐỒNG là tiền mà Ch đã bỏ ra để mua xe máy; Ma Văn T yêu cầu trả lại số tiền 1.500.000 ĐỒNG là tiền mà T đã cho C vay.

Với các chứng cứ nên trên, bản Cáo trạng số 46/CT-VKSBL ngày 03/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Hoàng Văn C về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Văn Ch vắng mặt, có đơn yêu cầu bị cáo C phải bồi thường số tiền 7.400.000 ĐỒNG; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ma Văn T yêu cầu bị cáo C phải trả lại số tiền 1.500.000 ĐỒNG. Bị cáo C nhất trí bồi thường cho ông Ch và trả lại số tiền cho ông T, đợi sau khi bị cáo chấp hành án xong, trở về địa phương sẽ lao động trả cho ông Ch, ông T.

Trong luận tội, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo C, xác định vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 20/6/2023 bị cáo C đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu trắng đen mang BKS 11L1 - XXX của ông Hoàng Văn U có trị giá 7.000.000 ĐỒNG; vào khoảng 07 giờ 00 phút một ngày giữa tháng 6 năm 2023 C đã trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh của bà Nguyễn Thị V có trị giá 2.000.000 ĐỒNG; Ngoài ra, C còn thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh của chị Ma Thị M, tuy nhiên không tiến hành định giá được đối với chiếc điện thoại này. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo Đại diện viện kiểm sát đã đề nghị Hội ĐỒNG xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Văn C phạm tội Trộm cắp tài sản; Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 173; Điều 38; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Văn C từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo C phải trả lại cho ông Nông Văn Ch số tiền 7.400.000 ĐỒNG; Trả lại cho ông Ma Văn T số tiền 1.500.000 ĐỒNG; Về án phí, đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Hoàng Văn C không tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo trình bày, bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đề nghị Hội ĐỒNG xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội ĐỒNG xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, Hoàng Văn C đã khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG của chị Ma Thị M tuy nhiên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL chưa thu thập đầy đủ các chứng cứ, tài liệu theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và các văn bản có liên quan để định giá tài sản, xác định bị hại. Các hành vi, quyết định tố tụng khác

của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BL trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BL là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội ĐỒNG xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ. Người phiên dịch cho bị hại vắng mặt, bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Hội ĐỒNG xét xử xét xử vắng mặt người phiên dịch.

[3] Về các hành vi phạm tội và tội danh:

[3.1] Đối với hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo Hoàng Văn C thừa nhận đã thực hiện trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG của chị Ma Thị M, Cáo trạng và luận tội cũng đều xác định bị cáo C là người đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại của chị M. Hội ĐỒNG xét xử thấy rằng, chỉ có lời khai duy nhất của bị cáo, không có kết luận định giá tài sản, chưa xác định được thiệt hại, người bị hại nên không đủ cơ sở để xác định đúng bị cáo C là người đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG của chị Ma Thị M như luận tội của vị Đại diện Viện kiểm sát.

[3.2] Các hành vi phạm tội bị truy tố và luận tội khác: Tại phiên toà bị cáo Hoàng Văn C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, các kết luận giám định và chứng khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 20/6/2023 bị cáo C khi đang ở nhà tại xóm BN, xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng đã L dụng sơ sở của bố bị cáo là ông Hoàng Văn U lấy đi 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu trắng đen mang BKS 11L1- XXX để cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân, trị giá chiếc xe máy là 7.000.000 ĐỒNG. Trước đó, khoảng khoảng 07 giờ 00 một ngày đầu tháng 6 năm 2023, bị cáo C đang ở nhà tại xóm BN, xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng thì thấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh của mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị V đang để ở trên nóc tủ lạnh, C đã tiến lại gần và dùng tay phải cầm lấy điện thoại và đi ra khỏi nhà, đi đến quán bi-a tại Khu XX, thị trấn PM, huyện BL, C hỏi vay Ma Văn T số tiền là 1.500.000 ĐỒNG, C sẽ để lại điện thoại cho T để đảm bảo, T ĐỒNG ý, trị giá chiếc điện thoại là 2.000.000 ĐỒNG. Tổng số tiền bị cáo C chiếm đoạt của ông U và bà V là 9.000.000 ĐỒNG. Như vậy, hành vi L dụng sự sơ hở của chủ sở hữu nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác có trị giá 9.000.000 ĐỒNG (trên 2.000.000 ĐỒNG) là bị cáo C đã phạm vào tội

Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự, do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện BL truy tố đối với bị cáo Hoàng Văn C về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về ĐỒNG phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Vụ án không có ĐỒNG phạm, chỉ do một mình bị cáo C thực hiện. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết được chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện, do đó bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo tuy có tính chất ít nghiêm trọng nhưng đã gây tâm lý hoang mang cho những người thân sống trong gia đình và hàng xóm xung quanh, làm mất trật tự an toàn tại địa phương, cần thiết phải xử bị cáo thật nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[6] Về nhân thân: Bị cáo được bố mẹ nuôi dưỡng ăn học đến lớp 5/12 thì bỏ học; bị cáo lấy vợ, sinh con và cùng vợ con sinh sống tại xóm BN, xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng nhưng bị cáo không chịu tuyên dưỡng rèn luyện bản thân mà chơi bời, sử dụng đã ma tuý từ năm 2016 đến nay và bị lệ thuộc vào tuý nên Hội ĐỒNG xét xử xác định bị cáo có nhân thân xấu.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện 02 hành vi trộm cắp đều có trị giá từ 2.000.000 ĐỒNG trở lên, 01 lần trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu trắng đen mang BKS 11L1-XXX có trị giá 7.000.000 ĐỒNG; 01 lần trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme trị giá 2.000.000 ĐỒNG, do đó, bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đồngặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên được Hội ĐỒNG xét xử xét cho bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Hình phạt Chính: Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên cần thiết buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên được Hội ĐỒNG xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải

tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5, Điều 173 của Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 ĐỒNG đến 50.000.000 ĐỒNG, xét hoàn cảnh của bị cáo có khó khăn, đang nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu nên Hội ĐỒNG xét xử không xem xét. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Văn Ch yêu cầu bị cáo C bồi thường số tiền 7.400.000 ĐỒNG, Ma Văn T yêu cầu bị cáo C trả lại số tiền 1.500.000 ĐỒNG và bị cáo nhất trí bồi thường cho ông Ch và trả lại số tiền cho ông T, phù hợp với quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự.

[12] Vật chứng, con người, sự vật liên quan:

Vật chứng của vụ án đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL đã trả lại cho ông Hoàng Văn U 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RSX màu trắng đen mang BKS 11L1-XXX, trả lại cho bà Nguyễn Thị V 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REALME REALME C30S 4/64G màu xanh là đúng theo điểm b, khoản 3, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các lần bị cáo C lấy 09 bao thóc, 02 con cá, 10 kg gạo, 01 con gà đi bán, C đã hỏi xin phép bà Nguyễn Thị V và được bà V ĐỒNG ý nên cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở xử lý C về hành vi này là đúng. Người đàn ông tên thường gọi là "HL", kết quả xác minh không có người đàn ông này nên không có cơ sở để xử lý đối với người đàn ông có tên “HL”; Nguyễn Văn D khi nhận cầm cố chiếc xe máy với C, D không biết nguyênồn gốc của chiếc xe, không có sự hứa hẹn, bàn bạc, thống nhất từ trước với C, do đó, D không phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng D đã hành vi nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác không có giấy ủy quyền hợp lệ nên bị Công an huyện BL xử phạt vi phạm hành Chính là đúng; Nông Văn Ch mua chiếc xe máy với C, trước khi mua xe Ch đã gọi điện hỏi chủ sở hữu tài sản, Ch không có sự hứa hẹn, bàn bạc, thống nhất với C từ trước; Ma Văn T cho C vay tiền và giữ lại điện thoại di động, T không biết đây là tài sản do C trộm cắp, T không hứa hẹn, bàn bạc, thống nhất với C từ trước, do đó, Ch, T không phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[13] Đối với hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG của chị Ma Thị M mà bị cáo C tự khai nhận, C nhờ L đem điện thoại đi cầm cố, L trao đổi với chủ hiệu cầm đồ là Lương Ích L, L ĐỒNG ý cầm cố chiếc điện thoại với giá 1.200.000 ĐỒNG, thời hạn cầm cố là 07 ngày, quá thời hạn, Lương Ích L đã bán chiếc điện thoại cho một người đàn ông dân tộc Mông không rõ họ, tên, địa chỉ nên không thu hồi được tài sản, hiện tại chị

M không có mặt tại địa phương. Để giải quyết vụ án được triệt để, kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BL tiếp tục điều tra, xác minh, giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

[14] Về nghĩa vụ chịu án phí:

[14.1] Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14.2] Bị cáo C phải bồi thường và trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền 8.900.000 ĐỒNG (trên 6.000.000 ĐỒNG) nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo điểm c, khoản 1, Điều 23; khoản 1, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số tiền là 8.900.000 ĐỒNG x 5% = 445.000 ĐỒNG.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[16] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BL về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, bồi thường thiệt hại, án phí đều phù hợp với nhận định của Hội ĐỒNG xét xử nên được chấp nhận; Lời nói sau cùng của bị cáo đã được Hội ĐỒNG xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: TUYÊN bố bị cáo Hoàng Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g, khoản 1, Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn C 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 13/7/2023. Không phạt bổ sung bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Văn C phải bồi thường cho ông Nông Văn Ch (sinh

năm 1984; Địa chỉ: Khu x, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng) số tiền 7.400.000 ĐỒNG (Bảy triệu bốn trăm nghìn ĐỒNG).

Buộc bị cáo Hoàng Văn C phải trả lại cho ông Ma Văn T (sinh năm 1997; Địa chỉ: xóm TN, xã QL, huyện BL, tỉnh Cao Bằng) số tiền 1.500.000 ĐỒNG (Một triệu năm trăm nghìn ĐỒNG).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thì hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

- Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hoàng Văn C phải chịu 200.000 ĐỒNG (Hai trăm nghìn ĐỒNG) tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 23; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hoàng Văn C phải chịu 445.000 ĐỒNG (Bốn trăm bốn mươi năm nghìn ĐỒNG) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền L, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền L, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện BL;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan THAHS huyện BL;
- Thi hành án dân sự huyện BL;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim